

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 154

LUẬN VỀ BÌNH ĐẲNG TÂM (Phần 4)

Trong kinh nói: “Trú trong Định Diệt tận thì không bị lửa đốt cháy, không bị nước cuốn trôi, không bị trúng độc, không bị dao làm hại, không bị người khác giết chết.”

Hỏi: Vì sao trú trong Định Diệt tận thì có lợi ích thù thắng như vậy?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Bởi vì Định Diệt tận này là pháp không hại, cho nên trú trong Định này không phải là do hại mà làm hại được.”

Có người nói: Định này có uy đức to lớn, các uy đức được Thiên thần bảo vệ, cho nên không có thể làm hại.

Có người nói: Đạt được Tĩnh lự là cảnh giới của Tĩnh lự, có đủ thần thông là cảnh giới của thần thông, đều là không thể nghĩ bàn được, cho nên không có thể làm hại.

Có người nói: Định này không có tâm, không phải là không có tâm thì có sinh-có tử, cho nên không có thể làm hại.

Kinh Đẳng Hoạt là duyên khởi của phần luận này. “Xưa có Đức Phật danh hiệu là Yết-lạc-câu-thôn-đà, có hai người đệ tử bậc nhất, một người tên gọi Cực Viễn, một người tên gọi Đẳng Hoạt. Tôn giả Đẳng Hoạt đã từng nhiều lần giáo hóa mọi người ở trong một khu thành, được mọi người biết đến. Sau đó tiến vào Định Diệt tận ở bên cạnh khu thành, nơi nhiều người đi lại. Lúc ấy có những người đi thả trâu bò-hái củi thấy rồi đều nói: Nay Tôn giả này ngồi ngay thẳng mà diệt độ quả thật là kỳ lạ thay, chúng ta nên đốt cháy thi hài để cúng dường! Thế là lấy các loại phân trâu và củi khô, chất quanh thân vị ấy mà đốt cháy rồi đi xa. Sáng sớm Tôn giả từ trong Định mà đứng dậy, nhanh chóng sửa lại áo quần, như thường lệ mỗi buổi sáng ôm bình bát đi vào thành, đi

chậm rãi qua từng nhà khát thực. Lúc ấy những người đốt cháy thi hài thấy rồi kinh ngạc nói rằng: Hôm qua chúng ta đốt cháy thi hài của vị ấy, mà bây giờ lại đi khát thực! Mọi người trong thành đều cùng nhau nói to rằng: Nay Sa-môn này chết mà sống lại. Vì vậy cho nên gọi là Tôn giả Đẳng Hoạt.” Nên biết thân không cháy là do lực của Định Diệt tận, áo quần không cháy là do lực của thần thông.

Có người nói: Thân và áo quần đều không cháy, đều là do lực của Định Diệt tận. Vì thế cho nên kinh ấy là duyên khởi của phần luận này.

Trong Truyền Dụ nói: “Nếu có người nào cúng dường cho người từ trong Định Diệt tận ra ngoài, thì người ấy chắc chắn thành tựu nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả.”

Hỏi: Vì sao cúng dường cho người từ trong Định Diệt tận ra ngoài, thì chắc chắn thành tựu nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả?

Đáp: Điều này không nhất định phải thông hiểu. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì điều này không phải là giáo nghĩa trong Tố-đát-lãm, Tỳ-nại-da và A-tỳ-đạt-ma đã nói, chỉ là tỉ dụ truyền miệng mà nói ra. Các tỉ dụ truyền miệng nói ra có lúc đúng-có lúc không đúng, nếu nhất định phải thông hiểu, thì nên biết sự cúng dường này hoặc là đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn. Điều ấy thuận theo ý thích của thế gian, cho nên chỉ nói đến quả hiện tại.

Hỏi: Vì sao cúng dường cho người từ trong Định Diệt tận ra ngoài, hoặc là đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn?

Đáp: Bởi vì nếu có người nào cúng dường cho người từ trong Định này ra ngoài, thì chính là cúng dường cho người từ trong tất cả Tĩnh lự-Giải thoát-Đẳng trì-Đẳng chí ra ngoài. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì những người muốn tiến vào-rời khỏi Đẳng chí Diệt tận, chắc chắn trước tiên khởi lên tâm thiện của cõi Dục, tiếp đến tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, như vậy cho đến tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, từ đây không gián đoạn tiến vào Định Diệt tận. Từ trong Định này ra ngoài hoặc là khởi lên Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là khởi lên Vô sở hữu xứ, như vậy cho đến trở lại khởi lên Tĩnh lự thứ nhất, tiếp tục tiến vào tâm thiện của cõi Dục. Người ấy nhờ vào công đức xông ướp nối tiếp nhau như vậy, cho nên có thể khiến cho người cúng dường hoặc là đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn.

Có người nói: Người từ trong Định Diệt tận ra ngoài, thì oai nghi vắng lặng-đi lại nói năng-mặc áo ăn uống, tất cả đều tường tận tỉ mỉ, các Thanh tín-Trưởng giả và Bà-la-môn..., thấy rồi đều sinh ý tưởng

hiếm có, dùng tâm ân cần thanh tịnh cúng dường các vật dụng sinh hoạt, cho nên đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn.

Có người nói: Người đạt được Định này danh tiếng truyền rộng khắp nơi, vượt xa những Định khác, các Thanh tín-Trưởng giả và Bà-la-môn..., nghe rồi đều sinh ý tưởng hiếm lạ, dùng tâm ân cần thanh tịnh cúng dường các vật dụng sinh hoạt, cho nên đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn.

Có người nói: Người trú trong Định này, các loại ăn đều đoạn dứt. Nếu cúng dường cho người từ trong Định này ra ngoài, thì chính là cúng dường cho người không ăn gì cả. Ăn nghĩa là người trú trong Định có tâm hữu lậu, tuy đoạn dứt Đoàn thực mà ăn thức ăn thuộc về Xúc-Tư và Thức hữu lậu; người trú trong Định vô lậu, tuy đoạn dứt bốn loại ăn thật sự, mà có thức ăn thuộc về Xúc-Tư và Thức tương tự; người trú trong Định Diệt tận thì tất cả đều không có. Vì vậy cúng dường cho người từ trong Định này ra ngoài, thì chính là cúng dường thức ăn cho người không ăn gì cả. Bởi vì nhân duyên này, cho nên hoặc là đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn.

Có người nói: Nếu có người nào cúng dường cho người từ trong Định này ra ngoài, thì chính là cúng dường thức ăn cho người đến Niết-bàn trở về, bởi vì Định này tựa như Niết-bàn. Nghĩa là như người tiến vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư y, diệt hết tất cả các pháp có sở duyên, tâm-tâm sở pháp không khởi lên-không diệt đi; người trú trong Định Diệt tận, cũng diệt hết tất cả các pháp có sở duyên, tâm-tâm sở pháp không khởi lên-không diệt đi, cho nên tựa như Niết-bàn. Vì vậy cúng dường cho người từ Định này ra ngoài, thì chính là cúng dường thức ăn cho người đến Niết-bàn trở về. Bởi vì nhân duyên này, cho nên hoặc là đạt được quả hiện tại, hoặc là đạt được quả to lớn.

Lại nữa, không phải là chỉ cúng dường cho người từ trong Định Diệt tận ra ngoài, thì có thể đạt được quả hiện tại. Nếu cúng dường cho năm loại Bồ-đặc-già-la, thì đều đạt được quả hiện tại:

1. Từ trong Định Diệt tận ra ngoài.
2. Từ trong Định Từ ra ngoài.
3. Từ trong Định Vô tranh ra ngoài.
4. Từ trong Kiến đạo ra ngoài.
5. Từ lúc đầu khởi lên đạt được Tận trí.

Lại nữa, nếu cúng dường cho năm loại Bồ-đặc-già-la, thì có thể đạt được quả to lớn:

1. Cha.

2. Mẹ.
3. Người bệnh.
4. Thầy nói pháp.
5. Bồ-tát gần đến địa vị Phật.

Hỏi: Định Diệt tận đối với Chúng đồng phần là cũng có thể dẫn dắt, hay là chỉ đầy đủ?

Đáp: Định này chỉ có thể đầy đủ mà không có thể dẫn dắt. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì chỉ riêng nghiệp mới có thể dẫn dắt Chúng đồng phần, mà Định này không phải là nghiệp.

Hỏi: Định này là thuận theo pháp hiện tại nhận quả, là thuận theo đời kế tiếp nhận quả, là thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, hay là thuận theo không nhất định nhận quả?

Đáp: Định này hoặc là thuận theo đời kế tiếp nhận quả, hoặc là thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, hoặc là thuận theo không nhất định nhận quả, không phải là thuận theo pháp hiện tại nhận quả, bởi vì đã sinh đến Hữu Đảnh thì không khởi lên Định này.

Hỏi: Định này ở nơi nào nhận lấy dị thực nào?

Đáp: Định này ở Phi tướng phi phi tướng xứ nhận lấy bốn Uẩn dị thực.

Hỏi: Những người thành tựu Định này, cũng thành tựu dị thực của Định ấy chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu Định Diệt tận mà không phải là dị thực của Định ấy, đó là sinh ở cõi Dục-Sắc đã đạt được Định Diệt tận, và đạt được rồi không lui sụt, mạng chung sinh đến Phi tướng phi phi tướng xứ, dị thực của Định Diệt tận không hiện rõ ở trước mắt.

2. Có lúc thành tựu dị thực của Định ấy mà không phải là Định Diệt tận, đó là đạt được Định Diệt tận rồi mà lui sụt, mạng chung sinh đến Phi tướng phi phi tướng xứ, dị thực của Định Diệt tận hiện rõ ở trước mắt.

3. Có lúc thành tựu Định Diệt tận cũng là dị thực của Định ấy, đó là đạt được Định Diệt tận rồi không lui sụt, mạng chung sinh đến Phi tướng phi phi tướng xứ, dị thực của Định Diệt tận hiện rõ ở trước mắt.

4. Có lúc không phải là thành tựu Định Diệt tận cũng không phải là dị thực của Định ấy, đó là sinh ở cõi Dục-Sắc không đạt được Định Diệt tận, giả sử đạt được rồi lui sụt; hoặc là sinh đến Không vô biên xứ-Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ, nếu không đạt được Định Diệt tận, sinh đến Phi tướng phi phi tướng xứ, và đạt được rồi mà lui sụt, mạng

chung sinh đến Phi tướng phi phi tướng xứ, thì dị thực của Định Diệt tận không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Những người lui sụt Định Diệt tận, cũng lui sụt quả A-la-hán chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc lui sụt Định Diệt tận mà không phải là quả A-la-hán, đó là người Học lui sụt Định Diệt tận, và người Vô học lui sụt Định Diệt tận mà không khởi lên Kiết.

2. Có lúc lui sụt quả A-la-hán mà không phải là Định Diệt tận, đó là A-la-hán Tuệ giải thoát lui sụt, và phần vị Học trước đây khởi lên Định Diệt tận rồi, đạt được quả A-la-hán, khởi lên Kiết của phần vị trên mà lui sụt.

3. Có lúc lui sụt Định Diệt tận cũng là quả A-la-hán, đó là phần vị Học trước đây khởi lên Định Diệt tận rồi, đạt được quả A-la-hán, khởi lên Kiết của phần vị dưới mà lui sụt, và phần vị Vô học khởi lên Định Diệt tận rồi, khởi lên Kiết của ba cõi tùy theo một mà lui sụt.

4. Có lúc không phải là lui sụt Định Diệt tận cũng không phải là quả A-la-hán, đó là trừ ra những tướng trước.

A-la-hán có sáu loại, đó là Thối pháp, Tư pháp, Hộ pháp, An trú pháp, Kham đạt pháp, Bất động pháp.

Hỏi: Những A-la-hán lui sụt pháp (Thối pháp), tất cả đều là Câu giải thoát chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc lui sụt pháp mà không phải là Câu giải thoát, đó là lui sụt pháp không đạt được Định Diệt tận.

2. Có lúc Câu giải thoát mà không phải là lui sụt pháp, đó là tư duy pháp (Tư pháp) cho đến Bất động pháp, đã đạt được Định Diệt tận.

3. Có lúc lui sụt pháp cũng là Câu giải thoát, đó là lui sụt pháp đã đạt được Định Diệt tận.

4. Có lúc không phải là lui sụt pháp cũng không phải là Câu giải thoát, đó là tư duy pháp cho đến Bất động pháp, không đạt được Định Diệt tận.

Như A-la-hán lui sụt pháp đối với Câu giải thoát làm thành bốn câu phân biệt, năm loại A-la-hán còn lại đối với Câu giải thoát cũng như vậy. Như vậy làm thành sáu lần bốn câu. Như đạo Vô học có sáu loại A-la-hán, đạo thuộc Học cũng có sáu loại chủng tánh, đó là chủng tánh Thối pháp, cho đến chủng tánh Bất động pháp.

Hỏi: Những người Học lui sụt pháp, tất cả đều là Thân chứng

chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Học lui sụt pháp mà không phải là Thân chứng, đó là Học lui sụt pháp không đạt được Định Diệt tận.

2. Có lúc Thân chứng mà không phải là Học lui sụt pháp, đó là Học tư duy pháp cho đến Học bất động pháp, đã đạt được Định Diệt tận.

3. Có lúc Học lui sụt pháp cũng là Thân chứng, đó là Học lui sụt pháp đã đạt được Định Diệt tận.

4. Có lúc không phải là Học lui sụt pháp cũng không phải là Thân chứng, đó là Học tư duy pháp cho đến Học bất động pháp, không đạt được Định Diệt tận.

Như Học lui sụt pháp đối với Thân chứng làm thành bốn câu phân biệt, năm chủng tánh còn lại đối với Thân chứng cũng như vậy. Như vậy cũng làm thành sáu lần bốn câu.

Hỏi: Nếu pháp là tâm Đẳng vô gián, thì pháp ấy là tâm vô gián chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là tâm Đẳng vô gián mà không phải là tâm vô gián, đó là trừ ra sát-na đầu tiên của Định Diệt tận và phần vị có tâm khác, còn lại các sát-na của Định Diệt tận và tâm-tâm sở pháp rời khỏi Định Diệt tận.

2. Có pháp là tâm vô gián mà không phải là tâm Đẳng vô gián, đó là sát-na đầu tiên của Định Diệt tận và phần vị có tâm khác, pháp ấy là sinh-trú-lão-vô thường.

3. Có pháp là tâm Đẳng vô gián cũng là tâm vô gián, đó là sát-na đầu tiên của Định Diệt tận, và tâm-tâm sở pháp của phần vị có tâm khác.

4. Có pháp không phải là tâm Đẳng vô gián cũng không phải là tâm vô gián, đó là trừ ra sát-na đầu tiên của Định Diệt tận và phần vị có tâm khác, pháp ấy là sinh-trú-lão-vô thường, còn lại các sát-na của Định Diệt tận và phần vị tâm rời khỏi Định Diệt tận, pháp ấy là sinh-trú-lão-vô thường.

Hỏi: Nếu pháp là tâm Đẳng vô gián, thì pháp ấy là Định Diệt tận vô gián chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là tâm Đẳng vô gián mà không phải là Định Diệt tận vô gián, đó là sát-na đầu tiên của Định Diệt tận, và tâm-tâm sở pháp

của phần vị có tâm khác.

2. Có pháp là Định Diệt tận vô gián mà không phải là tâm Đẳng vô gián, đó là trừ ra sát-na đầu tiên của Định Diệt tận và phần vị có tâm khác, pháp ấy là sinh-trú-lão-vô thường, còn lại các sát-na của Định Diệt tận và phần vị tâm rời khỏi Định Diệt tận, pháp ấy là sinh-trú-lão-vô thường.

3. Có pháp là tâm Đẳng vô gián cũng là Định Diệt tận vô gián, đó là trừ ra sát-na đầu tiên của Định Diệt tận và phần vị có tâm khác, còn lại các sát-na của Định Diệt tận và tâm-tâm sở pháp rời khỏi Định Diệt tận.

4. Có pháp không phải là tâm Đẳng vô gián cũng không phải là Định Diệt tận vô gián, đó là sát-na đầu tiên của Định Diệt tận và phần vị có tâm khác, pháp ấy là sinh-trú-lão-vô thường.

Hỏi: Sinh ở cõi trời Vô tưởng có mấy căn diệt?

Đáp: Tám căn, đó là Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Mạng-Ý và Xả căn.

Hỏi: Đây là nói từ nơi nào sinh đến cõi trời Vô tưởng?

Đáp: Đây là nói từ Trung Hữu của cõi Vô tưởng sinh đến Sinh Hữu của cõi Vô tưởng.

Hỏi: Lúc bấy giờ cũng có năm căn như Tín... hiện rõ ở trước mắt diệt đi, vì sao không nói đến?

Đáp: Văn này nên đưa ra cách nói này: Hoặc là tám căn-hoặc là mười ba căn, tâm cuối cùng của Trung Hữu, vô ký là tám căn, thiện là mười ba căn. Nhưng mà không đưa ra cách nói này, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người đưa ra cách nói này: Trong này chỉ dựa vào phần vị diệt, phần vị sinh đều có mà nói, năm căn như Tín... chỉ có ở phần vị diệt, không phải là có ở phần vị sinh, cho nên không nói đến.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt đi?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Mấy căn hiện rõ trước mắt?

Đáp: Tám căn, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc, bởi vì chết rồi sinh ra chắc chắn khởi lên tâm của địa mình.

Hỏi: Ở cõi trời Vô tưởng chết đi có mấy căn diệt?

Đáp: Tám căn, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào diệt đi?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Mấy căn hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hoặc là tám căn-hoặc là chín căn-hoặc là mười căn. Không có hình thể là tám căn, đó là Nhân-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Mạng-Ý và Xả căn. Một hình thể là chín căn, đó là cộng thêm Nam căn-Nữ căn tùy theo một loại. Hai hình thể là mười căn, đó là cộng thêm Nam căn và Nữ căn.

Hỏi: Tâm-tâm sở hệ thuộc nơi nào hiện rõ trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục. Vì vậy chứng minh biết rằng từ cõi trời Vô tưởng chết đi chắc chắn sinh vào cõi Dục.

Hỏi: Chắc chắn sinh vào nơi nào?

Đáp: Có người nói: Sinh vào địa ngục. Có người nói: Sinh vào nẻo ác. Nói như vậy thì chắc chắn sinh vào cõi Dục, nơi chốn không nhất định, hoặc là sinh vào nẻo ác, hoặc là cõi trời, hoặc là loài người.

Hỏi: Vì sao từ cõi trời Vô tưởng chết đi chắc chắn sinh vào cõi Dục?

Đáp: Bởi vì thế lực của nhân dị thực như vậy, cho nên tùy theo thế lực vốn có của nhân dị thực, chỉ làm cho khởi lên dị thực như vậy.

Có Sư khác nói: Bởi vì thọ lượng của cõi Vô tưởng đã hết, mà nghiệp của thọ lượng nơi khác không tăng trưởng, nghĩa là trước đây tăng trưởng về nghiệp thuộc thọ lượng của cõi Vô tưởng nay đã thọ nhận không còn, bởi vì nghiệp thuộc thọ lượng của nơi khác trước đây không tăng trưởng, cho nên từ cõi ấy chết đi chắc chắn sinh vào cõi Dục.

Hỏi: Người ấy cũng đã từng khởi lên ba Tịnh lự dưới, vì sao không dẫn đến quả thọ lượng của địa ấy?

Đáp: Người ấy tuy đã từng khởi lên ba Tịnh lự dưới, mà không phải là khăng khăng chấp lấy cho nên không dẫn đến thọ lượng ấy, bởi vì chỉ khăng khăng chấp trước Tịnh lự thứ tư cho nên dẫn đến thọ lượng của địa ấy.

Có người nói: Người ấy tuy đã từng khởi lên ba Tịnh lự dưới, mà không phải là do mong cầu, người ấy chỉ mong cầu ở Tịnh lự thứ tư.

Có người nói: Người ấy tuy đã từng khởi lên ba Tịnh lự dưới, chỉ giống như con đường đã đi qua mà không phải là nơi hướng đến, Tịnh lự thứ tư là nơi đích thực hướng đến chứ không phải là như con đường đã đi qua, cho nên dẫn đến thọ lượng của địa ấy.

Có người nói: Nếu tạo nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả ở cõi trời Vô tưởng, thì pháp vốn như vậy cũng tạo nghiệp thuận theo đời

kế tiếp thứ hai nhận quả ở cõi Dục. Như tạo nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả ở châu Bắc Câu-lô, thì pháp vốn như vậy cũng tạo nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả ở loài trời cõi Dục.

Có người nói: Cõi Dục là nơi quay về của tất cả hữu tình lui sụt, nghĩa là các hữu tình do lực của nghiệp-lực của tu mà hưởng đến cõi Sắc-Vô sắc, nghiệp ấy nếu hết thì trở lại rơi vào cõi Dục. Ví như mặt đất là nơi quay về của các loài chim bay bị rơi xuống, nghĩa là các loài chim bay nhờ vào sức mạnh của đôi cánh mà bay vút lên bầu trời, lúc sức mạnh của đôi cánh không còn thì trở lại rơi xuống mặt đất.

Có người nói: Hữu tình cõi trời Vô tưởng trải qua năm trăm kiếp trú vào trong Vô tưởng, như giấc ngủ say sưa, tỉnh rồi không thể nào lấy được dị thực khác, thế là rơi vào cõi Dục. Như người ở trên ngọn cây dựa vào cành cây mà ngủ, trải qua thời gian dài bỗng nhiên tỉnh giấc, tay quên bám lấy cành, ngay lập tức rơi xuống đất. Ở cõi ấy cũng như vậy.

Có người nói: Người cầu Vô tưởng thì chấp rằng Định Vô tưởng là Đạo chân thật, dị thực của Định ấy là Niết-bàn, cho đến sinh vào trong cõi trời ấy, ý chấp này vẫn đi theo, người ấy về sau từ trong Vô tưởng ra ngoài, lúc sắp mạng chung thấy tướng sinh trước mắt, liền dấy lên ý niệm này: Chắc chắn không có Niết-bàn, nếu như thật có thì mình đã chứng được, giờ đây tại sao tướng sinh hiện rõ trước mắt? Bởi vì bài báng Niết-bàn và Thánh đạo, cho nên từ cõi ấy chết đi mà sinh vào trong nẻo ác.

Tôn giả Diệu Âm cũng đưa ra cách nói này: “Bởi vì người ấy bài báng Niết-bàn và Thánh giả, cho nên từ cõi ấy mạng chung chắc chắn sinh vào nẻo ác.”

Hỏi: Định Vô tưởng và Sự Vô tưởng sai biệt thế nào?

Đáp: Tên gọi chính là sai biệt, loại này gọi là Định Vô tưởng, loại này gọi là Sự Vô tưởng.

Lại nữa, nhân là Định Vô tưởng, quả là Sự Vô tưởng.

Lại nữa, pháp dị thực là Định Vô tưởng, dị thực là Sự Vô tưởng.

Lại nữa, Định Vô tưởng là thiện, Sự Vô tưởng là vô ký.

Lại nữa, Định Vô tưởng là Định, Sự Vô tưởng là Sinh.

Lại nữa, Định Vô tưởng do tác ý dụng công gia hạnh mà khởi lên, Sự Vô tưởng không phải là do tác ý dụng công gia hạnh mà khởi lên.

Lại nữa, Định Vô tưởng bao gồm ở nơi này-nơi kia đạt được, nơi này-nơi kia hiện rõ ở trước mắt; Sự Vô tưởng chỉ ở nơi kia đạt được, nơi kia hiện rõ ở trước mắt.

Lại nữa, Định Vô tướng là gia hạnh đạt được, Sự Vô tướng là sinh mà có được. Đây gọi là sự sai biệt giữa Định Vô tướng và Sự Vô tướng.

Hỏi: Cõi trời Vô tướng thuộc về nơi nào?

Đáp: Sư nước ngoài nói: “Tĩnh lự thứ tư có chín nơi khác nhau, cõi trời Vô tướng là một nơi.”

Các Luận sư của nước Ca-thấp-di-la nói: “Tức là thuộc về cõi trời Quảng Quả, nhưng bởi vì vắng lặng hơn hẳn cho nên lập ra tên gọi riêng biệt, giống như chốn A-luyện-nhã bên cạnh thôn làng.”

Hỏi: Thân lượng của trời ấy như thế nào?

Đáp: Năm trăm Du-thiện-na.

Hỏi: Thọ lượng của trời ấy như thế nào?

Đáp: Năm trăm kiếp.

Hỏi: Thực hiện oai nghi cư trú như thế nào?

Đáp: Có người nói: Ngồi xếp bằng tròn như Sa-môn Thích tử.

Có người nói: Ngồi chồm hóm như Bà-la-môn.

Nói như vậy là như trước kia đã trú trong oai nghi tiến vào Định này, thì dùng oai nghi này ở cõi ấy trú trong năm trăm kiếp.

Hữu tình ở cõi Vô tướng lúc sinh ra, nên nói là có Tướng, hay là không có Tướng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình.

Đó là hoặc có người nói: Hữu tình ở cõi Vô tướng, lúc sinh ra-lúc chết đi đều không có Tâm-Tướng. Vì ngăn chặn ý ấy để hiển bày hữu tình ở cõi ấy, lúc sinh ra-lúc chết đi đều có Tâm-Tướng, chứ không phải là không có Tâm-Tướng, bởi vì có chết đi và sinh ra.

Hoặc lại có người nói: Hữu tình ở cõi Vô tướng, lúc sinh ra thì có Tâm, lúc chết đi thì không có Tâm. Vì ngăn chặn ý ấy để hiển bày hữu tình ở cõi ấy, lúc chết đi cũng có Tâm-Tướng chứ không phải là không có Tâm-Tướng, bởi vì có mạng chung.

Hoặc lại có người nói: Hữu tình ở cõi Vô tướng, lúc sinh ra-lúc chết đi tuy đều có Tâm, nhưng chỉ có một niệm chứ không phải là nối tiếp nhau lâu dài. Vì ngăn chặn ý ấy để hiển bày hữu tình ở cõi ấy, lúc sinh ra thì sinh ra rồi trải qua thời gian dài Tâm hãy còn nối tiếp nhau, về sau mới không có Tướng; từ không có Tướng ra ngoài, có Tâm trải qua thời gian dài, về sau mới xả mạng. Vì thế cho nên nói như vậy:

Hỏi: Có thể có nơi, chỉ có Tâm trong hai sát-na, đó là lúc Kiết

sinh(tiến vào thai mẹ) và lúc mạng chung chẳng?

Đáp: Nên nói là không có. Tôn giả Diệu Âm nói có, đó chính là cõi trời Vô tưởng.

Hỏi: Có thể có nơi, Tâm thuộc Kiết sinh làm Đẳng vô gián duyên, Tâm thuộc mạng chung khởi lên chẳng?

Đáp: Nên nói là không có. Tôn giả Diệu Âm nói có, đó chính là cõi trời Vô tưởng.

Hỏi: Có thể có nơi, Tâm thuộc Kiết sinh làm bốn duyên, Tâm thuộc mạng chung khởi lên chẳng?

Đáp: Nên nói là không có. Tôn giả Diệu Âm nói có, đó chính là cõi trời Vô tưởng.

Vì ngăn chặn những cách nói này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Hữu tình ở cõi Vô tưởng, lúc sinh ra nên nói là có Tưởng, hay là không có Tưởng?

Đáp: Nên nói là có Tưởng. Đây là ngăn chặn ý chấp ở cõi trời Vô tưởng, lúc sinh ra thì không có Tâm.

Như Đức Thế Tôn nói: “Các hữu tình ở cõi ấy do Tưởng khởi lên, cho nên từ nơi ấy chết đi.”

Hỏi: Lúc từ nơi ấy chết đi thì Tưởng ấy nên nói là diệt, hay là không diệt?

Đáp: Nên nói là diệt. Đây là ngăn chặn ý chấp ở cõi trời Vô tưởng, lúc chết đi thì không có Tâm.

Hỏi: Nên nói là trú nơi nào thì Tưởng ấy diệt đi?

Đáp: Nên nói là trú ở nơi ấy. Đây là ngăn chặn ý chấp về hữu tình ở cõi Vô tưởng chỉ có Tâm trong một niệm lúc chết đi-lúc sinh ra.

Hỏi: Hữu tình ở cõi Vô tưởng, Tâm trước nhiều hay là Tâm sau nhiều?

Đáp: Có người nói: Tâm trước nhiều chứ không phải là Tâm sau, bởi vì lúc ấy chưa tiến vào phần vị Vô tưởng, dị thực nối tiếp nhau với thế lực mạnh mẽ, có Tâm một thời gian dài mới tiến vào Vô tưởng; rời khỏi Vô tưởng rồi, dị thực nối tiếp nhau với thế lực suy kém, cho nên có Tâm một thời gian ngắn thì liền xả mạng.

Có người nói: Tâm sau nhiều chứ không phải là Tâm trước, bởi vì lúc ấy chưa tiến vào Vô tưởng, mong cầu Vô tưởng với Tâm mạnh mẽ, cho nên có Tâm một thời gian ngắn thì tiến vào Vô tưởng; rời khỏi Vô tưởng rồi, không mong cầu gì nữa, cho nên có Tâm một thời gian dài sau đó mới xả mạng.

Nói như vậy thì sự việc này không nhất định, hoặc là trước nhiều-sau ít, hoặc là trước ít-sau nhiều, bởi vì tùy theo ý thích ấy có sai biệt.

Hỏi: Tưởng ấy nên nói là thiện, hay là vô ký?

Đáp: Hoặc là thiện, hoặc là vô ký.

Hỏi: Tưởng ấy có mấy tùy miên tùy tăng?

Đáp: Duyên hữu lậu thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có mấy kiết ràng buộc?

Đáp: Sáu kiết.

Tưởng ấy, đó là Tưởng rời khỏi Vô tưởng. Hoặc là thiện-hoặc là vô ký, thiện đó là thiện do sinh ra đạt được, vô ký đó là hữu phú vô ký, hoặc là vô phú vô ký. Duyên hữu lậu thuộc cõi Sắc, đó là tùy miên duyên hữu lậu của Tĩnh lự thứ tư.

Hỏi: Vì sao tùy miên duyên vô lậu không tùy tăng đối với Tưởng ấy?

Đáp: Người ấy chấp Vô tưởng là Niết-bàn, Định Vô tưởng là Đạo chân thật, cho đến sinh vào cõi ấy, và từ cõi ấy chết đi. Bởi vì chỉ có chấp như vậy mà trở lại tiếp tục tùy chuyển, đối với Đạo-Diệt chân thật không bài báng là không có, cho nên duyên vô lậu lúc bấy giờ không khởi lên.

Sáu kiết ràng buộc, đó là trừ ra kiết Nhuế-Tật-Khan, có những kiết khác ràng buộc.

Hỏi: Tưởng rời khỏi Vô tưởng là do năm Bộ mà đoạn, hay là chỉ do Tu mà đoạn? Nếu như vậy thì có gì sai? Nếu do năm Bộ mà đoạn, thì phẩm Thập Môn đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Pháp quá khứ làm Đẳng vô gián sinh ra hai Tâm.” Nếu do Tu mà đoạn, thì văn này lại hiểu thế nào? Như nói: “Tưởng ấy là tùy miên tùy tăng duyên hữu lậu thuộc cõi Sắc.”

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Tưởng này bao gồm do năm Bộ mà đoạn.

Hỏi: Phẩm Thập Môn đã nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Văn ấy nên nói pháp quá khứ làm Đẳng vô gián sinh ra sáu Tâm, đó là năm Tâm thuộc cõi Sắc, một Tâm thuộc cõi Vô sắc. Nhưng mà không đưa ra cách nói này là có ý gì? Nên biết rằng văn ấy chỉ dựa vào Tâm rời khỏi hai Định không có Tâm mà nói, chứ không nói đến Vô tưởng. Nguyên cố thế nào? Bởi vì hai Định không có Tâm do tác ý dụng công gia hạnh mà khởi lên, Vô tưởng thì không như vậy.

Có Sư khác nói: Chỉ do Tu mà đoạn.

Hỏi: Văn này đã nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Văn này nên nói Tướng ấy là biến hành thuộc cõi Sắc, và tùy miên tùy tăng do Tu mà đoạn. Nhưng mà không đưa ra cách nói này là có ý gì? Nên biết rằng trong này nói bao gồm hòa hợp, đó là có Tâm vào lúc mạng chung thì bao gồm năm Bộ, không phải là chỉ nói đến Tâm rời khỏi Vô tướng, bởi vì Tâm mạng chung là quyền thuộc trước cho nên ở đây là nói bao gồm.

Lời bình: Nên biết cách nói trước là hợp lý, bởi vì không có đạo lý riêng biệt để ngăn chặn Tâm khác.

Như Đức Thế Tôn nói: “Tất cả hữu tình đều do ăn mà tồn tại.”

Hỏi: Hữu tình ở cõi Vô tướng do ăn gì mà tồn tại? Đáp: Xúc-Ý tư và Thức thực.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Nghĩa là cõi trời Vô tướng chắc chắn không có Đoàn thực, Xúc-Ý tư và Thức thực cũng diệt hết không còn sót lại gì, đừng có nghi ngờ ở cõi ấy không ăn gì mà tồn tại, thì không có thể hiểu Đức Thế Tôn đã nói “Tất cả hữu tình đều do ăn mà tồn tại.” Bởi vì loại trừ mối nghi ấy, hiển bày về cõi Vô tướng tuy không có Đoàn thực mà có ba loại ăn khác, cùng với kinh tương ứng, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Phần vị Vô tướng ấy cũng diệt hết ba loại ăn, tại sao nói là có?

Đáp: Ăn có hai loại:

1. Lúc trước có thể dẫn dắt.
2. Hiện tại tùy ý duy trì. Phần vị ấy tuy không có loại ăn thuộc hiện tại tùy ý duy trì, mà có loại ăn thuộc lúc trước có thể dẫn dắt, cho nên gọi là có ăn.

Có người nói: Trong phần vị ấy có ba loại ăn:

1. Ăn thuộc về nghiệp.
2. Ăn thuộc về sinh.
3. Ăn thuộc về Đẳng vô gián duyên.

Ăn thuộc về nghiệp, đó là bởi vì trước đây đã tạo ra nghiệp của địa ấy, cho nên có thể dẫn dắt sinh đến địa ấy. Ăn thuộc về sinh, đó là bởi vì tâm Kiết sinh (tâm tiến vào thai) và pháp cùng có, dẫn dắt phần vị ấy trong một thời kỳ làm cho nối tiếp nhau. Ăn thuộc về Đẳng vô gián duyên, đó là tiến vào Vô tướng, Xúc-Ý tư và Thức làm Đẳng vô gián duyên, có thể dẫn đến Vô tướng rời khỏi tâm-tâm sở, làm cho chắc chắn sẽ khởi lên, cho nên không vĩnh viễn đoạn dứt. Vì vậy cho nên nói là tất cả hữu tình đều do ăn mà tồn tại.

Hỏi: Nhãn căn thâm nhiếp mấy căn, cho đến Cự tri căn thâm nhiếp mấy căn?

Đáp: Nhãn căn thâm nhiếp Nhãn căn, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Cần phải ngăn chặn ý nói là các pháp chỉ thâm nhiếp tánh khác, hiển bày về tất cả các pháp chỉ thâm nhiếp tự tánh, cho nên soạn ra phần luận này.

Nhãn căn thâm nhiếp Nhãn căn, đây là dựa vào tướng chung của chủng loại mà nói. Nếu nói riêng biệt thì Nhãn có hai loại, đó là bên trái và bên phải. Bên trái thâm nhiếp bên trái, bên phải thâm nhiếp bên phải.

Bên trái lại có hai loại, đó là do nuôi lớn và dị thực sinh. Do nuôi lớn thâm nhiếp do nuôi lớn, dị thực sinh thâm nhiếp dị thực sinh.

Dị thực sinh lại có hai loại, đó là dị thực của nghiệp thiện và dị thực của nghiệp bất thiện. Dị thực của nghiệp thiện thâm nhiếp dị thực của nghiệp thiện, dị thực của nghiệp bất thiện thâm nhiếp dị thực của nghiệp bất thiện.

Dị thực của nghiệp thiện lại có hai loại, đó là loài người và loài trời. Loài người thâm nhiếp loài người, loài trời thâm nhiếp loài trời.

Loài trời lại có hai loại, đó là cõi Dục và cõi Sắc. Cõi Dục thâm nhiếp cõi Dục, cõi Sắc thâm nhiếp cõi Sắc.

Cõi Sắc lại có bốn loại, đó là bốn Tĩnh lự. Tĩnh lự thứ nhất thâm nhiếp Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Tĩnh lự thứ tư thâm nhiếp Tĩnh lự thứ tư.

Dị thực của nghiệp bất thiện lại có ba loại, đó là địa ngục-bàng sinh và cõi quỷ. Địa ngục thâm nhiếp địa ngục, cho đến cõi quỷ thâm nhiếp cõi quỷ.

Như vậy Nhãn bên trái cùng với các sai biệt đều có ba đời, quá khứ thâm nhiếp quá khứ, vị lai thâm nhiếp vị lai, hiện tại thâm nhiếp hiện tại.

Quá khứ lại có vô lượng sát-na, mỗi một sát-na đều tự mình thâm nhiếp của mình. Như quá khứ, vị lai cũng như vậy. Như bên trái, bên phải cũng như vậy. Trong này chỉ dựa vào tướng chung của chủng loại mà nói.

Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Mạng-Khổ-Ưu căn cũng như vậy, bởi vì những căn này đều thâm nhiếp một căn của chính mình.

Thân căn thâm nhiếp ba căn, đó là Thân-Nữ-Nam căn. Nữ căn thâm nhiếp Nữ căn và phần ít của Thân căn. Như Nữ căn, Nam căn cũng

như vậy.

Ý căn thâm nhiếp Ý căn và phần ít của ba căn, đó là ba căn Vô lậu. Bởi vì ba căn ấy lấy chín pháp làm Thể, thâm nhiếp Ý chứ không phải là loại khác, cho nên nói là phần ít.

Như Ý căn, Lạc-Hỷ-Xả căn và năm căn như Tín..., cũng như vậy.

Vị tri đương tri căn thâm nhiếp Vị tri đương tri căn và phần ít của chín căn, đó là Ý-ba Thọ và năm căn như Tín... Chín căn này đều bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ thâm nhiếp vô lậu. Ở trong vô lậu lại có ba đạo, nay chỉ thâm nhiếp Kiến đạo, cho nên nói là phần ít.

Như Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn và Cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Tín lực cho đến Tuệ lực, Niệm đẳng giác chi cho đến Xả đẳng giác chi, Chánh Kiến cho đến Chánh Định, Pháp trí cho đến Đạo trí, Không-Vô nguyện-Vô tướng thâm nhiếp mấy căn?

Đáp: Tín lực thâm nhiếp một căn và phần ít của ba căn, đó là ba căn Vô lậu. Ba căn này đều lấy chín pháp làm Thể, thâm nhiếp Tín chứ không phải là loại khác, cho nên nói là phần ít.

Như Tín lực, bốn Lực còn lại cũng như vậy.

Niệm đẳng giác chi thâm nhiếp phần ít của bốn căn, đó là Niệm căn và ba căn Vô lậu. Niệm căn bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ thâm nhiếp vô lậu. Ba căn vô lậu lấy chín pháp làm tánh, nay chỉ thâm nhiếp Niệm, cho nên nói là phần ít.

Như Niệm đẳng giác chi, Trạch pháp-Tinh tiến-Hỷ-Định đẳng giác chi cũng như vậy; còn lại không thâm nhiếp căn, đó là Khinh an-Xả đẳng giác chi không thâm nhiếp căn, bởi vì không có tướng của căn.

Chánh Kiến thâm nhiếp phần ít của bốn căn, đó là Tuệ căn và ba căn Vô lậu.

Như Chánh Kiến, Chánh Cần-Niệm-Định cũng như vậy; còn lại không thâm nhiếp căn, đó là Chánh Tư duy, Chánh Ngữ-Nghiệp-Mạng không thâm nhiếp căn, bởi vì không có tướng của căn.

Pháp trí thâm nhiếp phần ít của bốn căn, đó là Tuệ căn và ba căn Vô lậu.

Như Pháp trí, Loại trí, Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí cũng như vậy.

Tha tâm trí thâm nhiếp phần ít của ba căn, đó là Tuệ căn, Dĩ tri căn và Cụ tri căn. Thế nào là thâm nhiếp phần ít của Tuệ căn? Đó là Tuệ căn bao gồm duyên với một pháp và nhiều pháp, tự tướng và cộng tướng, hiện tại và ba đời, thân khác và thân mình, cảnh tương ứng và cảnh không tương ứng. Trí này chỉ thâm nhiếp Tuệ duyên với một pháp-tự tướng-hiện tại-thân khác và cảnh tương ứng, cho nên nói là phần ít.

Hai căn Vô lậu lấy chín pháp làm tánh, trí này chỉ thâm nhiếp Tuệ, sai biệt trong Tuệ nói như trước, trí này chỉ thâm nhiếp Tuệ duyên với một pháp..., cho nên nói là phần ít.

Thế tục trí thâm nhiếp phần ít của một căn, đó là Tuệ căn. Bởi vì Tuệ căn bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ thâm nhiếp hữu lậu, cho nên nói là phần ít.

Không thâm nhiếp phần ít của bốn căn, đó là Định căn và ba căn Vô lậu.

Như Không, Vô nguyện và Vô tướng cũng như vậy.

Hỏi: Ý căn tương ứng với mấy căn, cho đến Cự tri căn tương ứng với mấy căn?

Đáp: Ý căn tương ứng với mười căn và phần ít của ba căn, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Có người mê muội đối với tương ứng, chấp rằng pháp tương ứng không phải là tánh có thật. Vì ngăn chặn ý ấy để hiển bày về Thể của pháp tương ứng là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Ý căn tương ứng với mười căn, đó là năm Thọ và năm căn như Tín... tương ứng với phần ít của ba căn, đó là ba căn Vô lậu. Bởi vì ba căn ấy lấy chín pháp làm tánh, trừ ra tự Thể của Ý tương ứng với pháp khác, cho nên nói là phần ít.

Lạc-Hỷ-Xả căn tương ứng với phần ít của chín căn, đó là Ý căn-năm căn như Tín..., và ba căn Vô lậu. Tương ứng với phần ít của Ý căn-năm căn như Tín..., bởi vì sáu căn ấy đều thuộc câu sinh với năm Thọ căn, nay Lạc-Hỷ-Xả đều chỉ tương ứng với câu sinh thuộc căn của mình, cho nên nói là phần ít. Tương ứng với phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn ấy lấy chín pháp làm tánh, thuộc ba Thọ câu sinh, nay Lạc-Hỷ-Xả chỉ tương ứng với câu sinh thuộc căn của mình, cho nên nói là phần ít.

Khổ căn-Uỷ căn tương ứng với phần ít của sáu căn, đó là Ý căn và năm căn như Tín... Thế nào là tương ứng với phần ít của sáu căn ấy? Đó là sáu căn ấy thuộc năm Thọ câu sinh, nay Khổ căn-Uỷ căn chỉ tương ứng với câu sinh thuộc căn của mình, cho nên nói là phần ít.

Tín căn tương ứng với bốn căn và phần ít của chín căn. Bốn căn, đó là Tinh tiến-Niệm-Định và Tuệ căn. Tương ứng với phần ít của chín căn, đó là Ý căn-năm Thọ và ba căn Vô lậu. Tương ứng với phần ít của Ý căn và năm Thọ, bởi vì sáu căn ấy bao gồm nhiễm ô và không nhiễm ô, nay Tín căn chỉ tương ứng với thiện không nhiễm ô, cho nên nói là

phần ít. Tương ứng với phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn ấy lấy chín pháp làm tánh, nay trừ ra tự Thể của Tín tương ứng với loại khác, cho nên nói là phần ít.

Như Tín căn, Tinh tiến-Niệm-Định và Tuệ căn cũng như vậy.

Vị tri đương tri căn tương ứng với Vị tri đương tri căn và phần ít của chín căn. Tương ứng với Vị tri đương tri căn, bởi vì căn này lấy chín pháp làm tánh, mỗi một pháp trừ ra tự Thể tương ứng với loại khác, đều gọi là căn này tương ứng với căn này. Tương ứng với phần ít của chín căn, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả và năm căn như Tín... Thế nào là tương ứng với phần ít của chín căn ấy? Đó là bởi vì chín căn ấy bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ tương ứng với vô lậu thuộc căn ấy; ở trong vô lậu bao gồm Kiến đạo-Tu đạo và đạo Vô học, nay chỉ tương ứng với Kiến đạo thuộc căn ấy, cho nên nói là phần ít.

Như Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn và Cụ tri căn cũng như vậy, bởi vì chỉ riêng phần vị có khác nhau, còn lại đều giống nhau.

Hỏi: Tín lực cho đến Tuệ lực, Niệm đẳng giác chi cho đến Xả đẳng giác chi, Chánh Kiến cho đến Chánh Định, Pháp trí cho đến Đạo trí, Không-Vô nguyện-Vô tướng, tương ứng với mấy căn?

Đáp: Tín lực tương ứng với bốn căn và phần ít của chín căn. Bốn căn, đó là Tinh tiến-Niệm-Định và Tuệ căn. Tương ứng với phần ít của chín căn, đó là Ý căn-năm Thọ căn và ba căn Vô lậu, nghĩa nói như trước.

Như Tín lực, bốn Lực còn lại cũng như vậy, đó là Tinh tiến-Niệm-Định và Tuệ lực.

Niệm đẳng giác chi tương ứng với phần ít của mười một căn, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả căn, bốn căn như Tín..., và ba căn Vô lậu. Tương ứng với phần ít của Ý căn-ba Thọ căn-bốn căn như Tín..., bởi vì tám căn ấy bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ tương ứng với vô lậu thuộc căn ấy, cho nên nói là phần ít. Tương ứng với phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn ấy lấy chín pháp làm tánh, nay trừ ra tự tánh của Niệm tương ứng với loại khác, cho nên nói là phần ít.

Như Niệm đẳng giác chi, Trạch pháp-Tinh tiến-Định đẳng giác chi cũng như vậy.

Hỷ đẳng giác chi tương ứng với phần ít của chín căn, đó là Ý căn-năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu. Tương ứng với phần ít của Ý căn và năm căn như Tín..., bởi vì sáu căn ấy bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ tương ứng với vô lậu thuộc căn ấy; ở trong vô lậu bao gồm dựa vào chín địa, đó là Vị chí-Tĩnh lự trung gian-bốn Tĩnh lự và ba Vô sắc dưới,

nay chỉ tương ứng với hai Tĩnh lự đầu mà căn ấy dựa vào, cho nên nói là phần ít. Tương ứng với phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn ấy bao gồm Lạc-Hỷ-Xả, và câu sinh của nó, nay chỉ tương ứng với câu sinh của Hỷ căn, cho nên nói là phần ít.

Khinh an-Xả đẳng giác chi tương ứng với ba căn và phần ít của chín căn. Ba căn, đó là ba căn Vô lậu. Tương ứng với phần ít của chín căn, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả và năm căn như Tín... Thế nào là tương ứng với phần ít của chín căn ấy? Đó là bởi vì chín căn ấy bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ tương ứng với vô lậu thuộc căn ấy, cho nên nói là phần ít.

Chánh Kiến tương ứng với phần ít của mười một căn, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả-bốn căn như Tín... và ba căn Vô lậu, nghĩa nói như Niệm đẳng giác chi.

Như Chánh Kiến, Chánh Tư duy-Chánh Cần-Chánh Định cũng như vậy. Nhưng Chánh Tư duy có chút sai biệt, đó là Ý-Hỷ-Xả-năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu, thì gọi là mười một. Mười một căn này cùng dựa vào các địa, nay chỉ tương ứng với dựa vào Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất, cho nên nói là phần ít. Còn lại không phải là tương ứng với căn, đó là Chánh Ngũ-Nghiệp-Mạng không phải là tương ứng với căn, bởi vì không phải là pháp tương ứng.

Pháp trí tương ứng với phần ít của mười một căn, nói như Chánh Kiến. Như Pháp trí, Loại trí và Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí cũng như vậy.

Tha tâm trí tương ứng với phần ít của mười căn, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả-bốn căn như Tín..., Dĩ tri căn và Cụ tri căn, nghĩa nói như trong phần thâm nhiếp.

Thế tục trí tương ứng với hai căn và phần ít của tám căn. Hai căn, đó là Khổ căn và Ưu căn. Tương ứng với phần ít của tám căn, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả và bốn căn như Tín... Thế nào là tương ứng với phần ít của tám căn ấy? Đó là tám căn ấy bao gồm hữu lậu và vô lậu, nay chỉ tương ứng với hữu lậu thuộc căn ấy, cho nên nói là phần ít.

Không-Vô nguyện-Vô tướng tương ứng với phần ít của mười một căn, nói như Niệm đẳng giác chi.

